| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MANG YANG**<br>**TỈNH GIA LAI**<br>ଓ✶ଌ<br>Số: 24/2017/HSST.<br>Ngày: 27/9/2017. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Viết Minh Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Vũ Thị Hà**, Hiệu trưởng trường tiểu học thị trấn Kon Dơng số 1, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Ông **Nguyễn Xuân Cường,** Nguyên phó khoa kiểm dịch Trung tâm y tế huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Văn Thạch**, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thoa**, Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2017/TLHS-ST, ngày 15 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

**Bị cáo thứ nhất:** **KSOR B** – Tên gọi khác: không.

Sinh năm: 1996, tại huyện K, tỉnh G.

Nơi đăng ký HKTT: buôn H, xã C, huyện K, tỉnh G.

Chỗ ở hiện nay: buôn H, xã C, huyện K, tỉnh G.

Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 6/12. Dân tộc: Jarai.

Con ông: Nay S, sinh năm: 1970, con bà: Ksor H, sinh năm: 1972. Gia đình có 08 chị em. Lớn nhất sinmh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2010. Bị cáo là con thứ 4 trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2017 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

**Bị cáo thứ hai: RMAH M** – Tên gọi khác: không.

Sinh ngày: 01/01/1999, tại huyện C, tỉnh G.

Nơi đăng ký HKTT: Làng Thông B, xã I, huyện Ch, tỉnh G.

Chỗ ở hiện nay: Làng Thông B, xã I, huyện C, tỉnh G.

Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 3/12. Dân tộc: Bana.

Con ông: Kpui H, sinh năm: 1969, con bà: Rmah H, sinh năm: 1969. Gia đình có 08 chị em. Lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 2006. Bị cáo là con thứ 6 trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự.

-Ngày 31/3/2014 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã Ia Rú, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai bị Công an xã Ia Rú xử phạt hành chính với hình thức cảnh cáo.

-Ngày 21/4/2016 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã Ia Pol, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Công an huyện Chư Sê xử phạt hành chính. Ngày 10/12/2014 đưa vào trường giáo dưỡng số 3 Đà Nẵng thời gian 24 tháng. Ngày 10/11/2016 chấp hành xong trở về địa phương.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2017.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

***Người bị hại:**

- Anh U, sinh năm: 1984.

Trú tại: Làng Đăk T, xã Kon T, huyện M, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa (Có lý do).

- Anh H, sinh năm: 2000.

Trú tại: Làng Dơ N, xã Kon T, huyện M, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

- Anh A, sinh năm: 1993.

Trú tại: Làng Dơ N, xã Kon T, huyện M, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

-Anh A, sinh năm: 1976.

Trú tại: Làng Dơ N, xã Kon T, huyện M, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

-Ông Kpui H, sinh năm: 1969.

Trú tại: Làng Thông B, xã I, huyện C, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa (Có lý do).

-Anh Lê Văn T, sinh năm: 1977.

Trú tại: Tổ 9, thị trấn Ea D, huyện Ea H, tỉnh Đ.

Vắng mặt tại phiên tòa (Có lý do).

-Chị Ksor H, sinh năm: 1972.

Trú tại: Buôn H'L, xã C, huyện K, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

***Người bào chữa cho bị cáo Ksor B:** Ông Nguyễn Thành Trung – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Gia Lai.

Có mặt tại phiên tòa.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại H:** Bà Trang Thị Thùy Dương – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Gia Lai.

Có mặt tại phiên tòa.

***Người đại diện hợp pháp cho người bị hại H:** Ông Am, sinh năm: 1976.

Trú tại: Làng Dơ N, xã Kon T, huyện M, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

***Người phiên dịch:** Ông Ayun - Phó chủ tịch Hội nông dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Có mặt tại phiên tòa.

## NHẬN THẤY;

Các bị cáo Ksor B và Rmah M bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh G truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 01/3/2017 Ksor B cùng Rmah L, Rmah M mượn xe máy của ông Nguyễn Văn C, tạm trú tại: làng C, xã Kon T, huyện M, tỉnh G để đi chơi tại làng Đăk T, xã Kon T. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì Rmah L điều khiển xe máy về rẫy nhà ông Nguyễn Văn C tại làng C, xã Kon T. Sau khi Rmah L về, Ksor B rủ Rmah M đi trộm cắp xe máy để làm phương tiện đi lại, thì Rmah M đồng ý. Rmah M và Ksor B đi bộ được một đoạn thì phát hiện một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81E1-05740 của anh U ở làng Đăk T, xã Kon T đang để trước nhà, quan sát thấy không có người trông coi, chìa khóa cắm trên ổ khóa xe nên Rmah M và Ksor B đi đến vị trí xe, Ksor B đẩy bộ xe ra ngoài, Ramh M đi theo sau. Đẩy

xe đi được một đoạn thì Ksor B mở khóa, đạp nổ máy chở Rmah M đi qua địa bàn làng Dơ N, xã Kon T, huyện M, tỉnh G.

Khi đi qua làng Dơ N thì Rmah M và Ksor B quan sát thấy trong sân nhà chị K có nhiều xe để trước nhà, trong đó có một chiếc xe hiệu Suzuki và một chiếc xe loại Exciter hãng Yamaha nên Ksor B nói với Rmah M: "*Xe kìa, có xe Ệt và xe Bo kìa, lấy đi*". Rmah M đồng ý và nói: *"Đi, lấy đi"*. Sau đó, Ksor B và Rmah M để lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81E1-05740 vừa trộm cắp được ở làng Đăk T ở gần nhà rông làng Dơ N, xã Kon T rồi cả hai đi bộ đến nơi có xe vừa nhìn thấy. Quan sát thấy không có người trông coi nên Ksor B tiến lại gần đẩy xe mô tô Biển kiểm soát 47F6-6940 ra trước, Rmah M đẩy xe mô tô biển kiểm soát 81E1-01536 đi ra sau. Cả hai đẩy bộ hai chiếc xe trên được một đoạn thì Ksor B đạp nổ máy điều khiển xe chạy trước, Rmah M rút dây điện nguồn rồi nối lại sau đó đạp nổ máy điều khiển xe chạy theo sau.

Đi được một đoạn thì Rmah M không đuổi kịp Ksor B nên điều khiển xe quay lại rẫy của anh C ở làng C, xã Kon T để rủ Ksor P, trú tại: Buôn H, xã C, huyện K, tỉnh G đi cùng vì Rmah M nghĩ Ksor P biết đường đi. Về đến rẫy nhà anh Nguyễn Văn C, Rmah M để xe ở phía ngoài đường rồi đi bộ vào trong nhà rẫy thu dọn quần áo rồi đi xuống chỗ Ksor Pl đang ngủ để gọi Ksor P dậy. Sợ Ksor P không đi cùng nên Rmah M đã nói với Ksor P dậy đi chơi, đi lên chỗ Ksor B đang nhậu, Ksor P đồng ý đi theo. Trên đường đi về thì bị người dân phát hiện bắt quả tang Rmah Mcùng tang vật.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 06/KL-ĐGTS ngày 03/03/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận:

-Xe mô tô BKS 81E1- 05740 nhãn hiệu ESPERO; loại xe hai bánh, màu sơn: Vàng đen; Số máy 152FMH066066; Số khung: H1PEAA066066 trị giá: 6.000.000 đồng.

-Xe mô tô BKS 81E1-01536 nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: đỏ- đen; số máy: 55P1047219; số khung: 10BY047201 trị giá: 26.000.000 đồng

-Xe mô tô BKS 47F6-6940 nhãn hiệu SUZUKI, loại xe: xe nữ, màu sơn: đen; Số máy: 106135; Số khung: 106135 (mua năm 1998) trị giá: 2.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà hai bị cáo trộm cắp là: 34.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng: 15/CT-VKS, ngày 02/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh G truy tố các bị cáo Ksor B và Rmah M về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

## XÉT THẤY

Tại phiên Toà hôm nay các bị cáo Ksor B và Rmah M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Vào khoảng 23 giờ ngày 01/3/2017 sau khi đi chơi về thì Ksor B rủ Rmah M đi trộm cắp xe máy thì Rmah M đồng ý. Khi đi ngang qua nhà anh U ở làng Đăk T, xã Kon T, huyện M phát hiện một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81E1-05740 của anh U đang để trước nhà không có người trông coi thì Ksor B và Rmah M đã trộm cắp chiếc xe trên của anh U. Ksor B và Rmah M điều khiển chiếc xe trên, khi đi ngang qua nhà chị K thấy có nhiều xe để trước nhà, trong đó có 01 chiếc xe hiệu Suzuki BKS 47F9-4690 và 01 chiếc xe loại Exciter BKS 81E1-01536 hãng Yamaha, quan sát thấy không có người trông coi thì Ksor B rủ Rmah M trộm cắp hai chiếc xe trên thì Rmah M đồng ý. Cả hai để lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81E1-05740 vừa trộm cắp được ở gần nhà rông làng Dơ N, Ksor B tiến lại gần đẩy xe mô tô Biển kiểm soát 47F6-6940 ra trước, Rmah M đẩy xe mô tô biển kiểm soát 81E1-01536 đi ra sau. Cả hai đẩy bộ hai chiếc xe trên được một đoạn thì Ksor B đạp nổ máy điều khiển xe chạy trước, Rmah M rút dây điện nguồn rồi nối lại sau đó đạp nổ máy điều khiển xe chạy theo sau. Do không đuổi kịp được Ksor B và không biết đường đi nên Rmah M quay lại nhà rẫy của anh Nguyễn Văn C để rủ Ksor P đi cùng vì Rmah M nghĩ Ksor P biết đường đi. Khi Rmah M đang chở Ksor P đi thì bị người dân phát hiện bắt quả tang Rmah M cùng tang vật.

Đối với bị cáo Ksor B, sau khi trộm cắp 03 xe mô tô trên Ksor B đã điều khiển xe mô tô BKS 47F6-6940 qua huyện E, tỉnh Đ. Sau đó cùng với K (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến tiệm cầm đồ Thành Đạt của anh Lê Văn T để mua 01 chiếc xe Nova nhãn hiệu Suzuki và 01 chiếc xe Dream nhãn hiệu Honda. Do không đủ tiền mua chiếc xe Dream nên Ksor B đã cầm cố chiếc xe mô tô 47F6-6940 cho anh T. Vì xe không xe không có giấy tờ nên anh T chỉ viết giấy biên nhận giữ chiếc xe mô tô mô tô BKS 47F6-6940 với giá 8.000.000 đồng. Ksor B mua chiếc xe Dream của tiệm anh T (không nhớ biển kiểm soát) với giá 6.000.000 đồng, anh T đưa thêm cho Ksor B 2.000.000 đồng. Số tiền này Ksor B đã tiêu xài cá nhân hết. Sau đó 03 ngày thì K đã cùng với một đối tượng khác đến chuộc lại chiếc xe mô tô BKS 47F6-6940 và đi đâu không rõ. Đối với chiếc xe Dream, do không có tiền tiêu xài cho nên Ksor B đã bán lại cho một đối tượng tên V (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) với giá 5.300.000 đồng. Số tiền này bị cáo tiêu xài cá nhân hết. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream và xe mô tô BKS 47F6-6940 không thu hồi được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Ksor B và Rmah M phạm tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt:

-Bị cáo Ksor B từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

-Bị cáo Rmah M từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Ksor B nhất trí với bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát công bố về tội danh, điều khoản mà Việm kiểm sát đã truy tố đối vối bị cáo Ksor B và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Ksor B từ 03 tháng đến 05 tháng tù.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ngưởi bị hại H nhất trí với bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát công bố

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 06/KL-ĐGTS ngày 03/03/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận:

-Xe mô tô BKS 81E1- 05740 nhãn hiệu ESPERO; loại xe hai bánh, màu sơn: Vàng đen; Số máy 152FMH066066; Số khung: H1PEAA066066 trị giá: 6.000.000 đồng.

-Xe mô tô BKS 81E1-01536 nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: đỏ- đen; số máy: 55P1047219; số khung: 10BY047201 trị giá: 26.000.000 đồng

-Xe mô tô BKS 47F6-6940 nhãn hiệu SUZUKI, loại xe: xe nữ, màu sơn: đen; Số máy: 106135; Số khung: 106135 (mua năm 1998) trị giá: 2.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà hai bị cáo trộm cắp là: 34.000.000 đồng.

Qua lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo Ksor B và Rmah M tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai của các bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chứng cứ và tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Ksor B và Rmah M đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Xét về tính chất của vụ án thì thấy rằng: Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia tuy có sự rủ rê nhưng không có sự bàn bạc và phân công một cách chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

Xét về  hành vi của các bị cáo thì thấy rằng:

Đối với bị cáo Ksor B: Bị cáo là một thanh niên có sức khỏe, có nhận thức, bị cáo biết được rằng tài sản của người khác luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến tài sản của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Nhưng chỉ vì ham muốn có tiền để tiêu xài cá nhân không phải bằng

chính sức lao động của mình, muốn có phương tiện đi lại thì chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo đã cùng với bị cáo Rmah M thực hiện 02 vụ trộm cắp và chiếm đoạt được 03 chiếc xe mô tô. Trong vụ án này bị cáo là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Rmah M cùng thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình thực hiện tội phạm bị cáo là người thực hiện tích cực nhất, khi thấy chủ sở hữu sở hở trong việc quản lý tài sản thì bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp và chính bị cáo là người trực tiếp đi vào trộm cắp 02 chiếc xe mô tô của anh U và H. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 34.000.000 đồng. Không những vậy, sau khi thực hiện tội phạm bị cáo đã bỏ trốn trong một thời gian dài gây rất nhiều khó khăn cho việc điều tra, truy tố và xét xử. Vì vậy bị cáo phải là người chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Hành vi của bị cáo Ksor B là táo bạo, liều lĩnh, nguy hiểm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần xử bị cáo với mức án nghiêm theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và cao hơn bị cáo Rmah M là phù hợp, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở thành người sống có ích cho gia đình, xã hội và đảm bảo tính giáo dục, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Rmah M: Bị cáo cũng là một thanh niên có sức khỏe, có nhận thức, bị cáo biết được rằng tài sản của người khác luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến tài sản của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Tuy trong vụ án này mặc dù chỉ đóng vai trò là đồng phạm nhưng chỉ vì ham muốn có tiền để tiêu xài cá nhân không phải bằng chính sức lao động của mình, muốn có phương tiện đi lại nên khi bị cáo Ksor B rủ trộm cắp xe mô tô thì bị cáo chẳng những không can ngăn mà còn tham gia vào việc thực hiện tội phạm. Trong một thời gian ngắn bị cáo đã cùng với bị cáo Ksor B thực hiện 02 vụ trộm cắp và chiếm đoạt được 03 chiếc xe mô tô. Quá trình thực hiện tội phạm bị cáo cũng là người thực hiện tích cực, bị cáo chính bị cáo là người trực tiếp đi vào trộm cắp 02 chiếc xe mô tô của anh U và A. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 34.000.000 đồng. Không những vậy bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 31/3/2014 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã I, huyện C, tỉnh G bị Công an xã I xử phạt hành chính với hình thức cảnh cáo; Ngày 21/4/2016 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã I, huyện C, tỉnh G. Công an huyện C xử phạt hành chính. Ngày 10/12/2014 đưa vào trường giáo dưỡng số 3 Đà Nẵng thời gian 24 tháng. Ngày 10/11/2016 chấp hành xong trở về địa phương. Hành vi của bị cáo Rmah M là táo bạo, liều lĩnh, nguy hiểm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần xử bị cáo với mức án nghiêm theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở thành người sống có ích cho gia đình, xã hội và đảm bảo tính giáo dục, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xem xét:

-Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự là: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên Toà hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần cho người bị hại. Gia đình của bị cáo Rmah M và Ksor B có hoàn cảnh khó khăn. Gia đình bị cáo Rmah M là hộ nghèo. Gia đình bị cáo Ksor B là hộ cận nghèo. Tại phiên tòa hôm nay người bị hại H xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

-Về tình tiết tặng nặng: Trong một thời gian ngắn bị cáo Ksor B và Rmah M thực hiện 02 vụ trộm cắp và chiếm đoạt được 03 chiếc xe mô tô, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Đối với anh Lê Văn T đã có hành vi nhận cầm cố xe mô tô BKS 47F6-6940 với số tiền 8.000.000 đồng của bị cáo Ksor B nhưng anh T không biết xe mô tô trên là tài sản do trộm cắp mà có nên hành vi của anh T không phạm tội: "*Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" quy định tại Điều 250 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét thấy hành vi cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố của anh T đã phạm vào điểm e khoản 2 Điều 11 của Nghị định 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện M đã có công văn đề nghị Công an huyện E, tỉnh Đ xử phạt theo thẩm quyền là phù hợp.

Đối với K (sinh năm 1992) người dân tộc Ê Đê, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Theo lời khai của bị cáo Ksor B và anh Lê Văn T đối tượng K là người đã đến chuộc chiếc xe mô tô BKS 47F6-6940. Quá trình điều tra xác minh không ghi nhận được trường hợp nào có tên là K (sinh năm 1992) trên địa bàn xã Dlê Y, huyện E, tỉnh Đ nên không có cơ sở để xử lý, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đối tượng tên V, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Theo lời khai của bị cáo Ksor B, đối tượng V là người đã mua lại chiếc xe nhãn hiệu Dream của bị cáo Ksor B với giá 5.300.000 đồng. Quá trình điều tra xác minh không ghi nhận được trường hợp nào có tên V trên địa bàn xã Dlê Y, huyện E, tỉnh Đnên không có cơ sở để xử lý, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng mà bị cáo Ksor B có được từ việc thế chấp chiếc xe mô tô BKS 47F6-4690 và bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Xét đây là sồ tiền do phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo phải giao nộp để tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Ksor B đã bồi thường cho người bị hại anh Hưu số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) và gia đình bị cáo Ksor B đã nộp số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tại Chi cục thi hành

án dân sự huyện M theo biên lai thu số 0004742 ngày 21/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M để bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại. Tại phiên tòa hôm nay người bị hại anh H yêu cầu bị cáo Ksor B bồi thường số tiền 37.400.000 đồng đối với chiếc xe 47F6-6940 bị mất không thu hồi được. Bị cáo Ksor B và người bị hại anh H đã thống nhất thỏa thuận bồi thường dân sự cụ thể: Bị cáo Ksor B đồng ý bồi thường số tiền 37.400.000 đồng cho người bị hại anh H. Xét sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Rmah M không có yêu cầu gì về phần dân sự đối với bị cáo Ksor B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay và trong đơn xin xét xử vắng mặt người bị hại anh U, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn T và ông Kpui H không ai có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 81E1-05740, 01 xe mô tô biển kiểm soát 81E1-01536. Quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của anh U, anh A và họ có đơn xin nhận lại tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã tiến hành trả lại hai chiếc xe trên cho chủ sở hữu là phù hợp.

-01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xám đen. Quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của Ksor B nên trả lại cho bị cáo nhưng cần bảo thủ để thi hành án bồi thường sau này.

Về án phí: Gia đình bị cáo Rmah M là hộ nghèo. Gia đình bị cáo Ksor B là hộ cận nghèo. Bị cáo Ksor B sinh sống ở vùng biệt khó khăn. Các bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo cũng xin được miễn tiền án phí. Căn cứ điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo Rmah M và Ksor B miễn nộp án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo Ksor B miễn nộp án phí Dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

# QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo **Ksor B** và **Rmah M** phạm tội "**Trộm cắp tài sản**".

Áp dụng:

- khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Ksor B **12** (***Mười hai***) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/6/2017.

Xử phạt: Bị cáo Rmah M **09** (***Chín***) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/3/2017.

Áp dụng: khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự. Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự:

-Xử buộc bị cáo Ksor B bồi thường cho anh H số tiền 37.400.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng*), được khấu trừ 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 36.400.000 đồng (Ba mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) do bà Ksor H (là mẹ ruột của bị cáo Ksor B) ủy quyền cho ông Nguyễn Thành T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004742 ngày 21/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh G để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự:

-Buộc bị cáo Ksor B phải nộp số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ: Điểm b, khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

-Xử tiếp tục bảo thủ của bị cáo Ksor B 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xám đen để đảm bảo thi hành án.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữ Công an huyện M với Chi cục thi hành án dân sự huyện M, ngày 04 tháng 8 năm 2017.

Căn cứ: điểm đ Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Ksor B và Rmah M miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Ksor B miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2017) các bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo Bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Viết Minh Quân**

*Nơi nhận:*
- *TAND tỉnh Gi;*
- *VKSND tỉnh G;*
- *VKSND huyện M;*
- *CA huyện M;*
- *Bị cáo;*
- *Người bị hại;*
- *Người bảo vệ QL HP;*
- *Chi cục thi hành án dân sự huyện M;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*